TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 72/2018/HNGĐ - ST
Ngày 29 - 5 - 2018
V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST - ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm Phúc Điền, xã Nà, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Phạm Văn C - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm Phúc Điền, xã Nà, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị L và anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 09/4/2018 cũng như lời khai của chị Trần Thị L trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn C vào tháng 11/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh C luôn bất đồng về quan điểm sống, anh C thường xuyên đánh chửi chị. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm

vợ chồng giữa chị và anh C không được C thiện. Từ tháng 9/2014 đến nay chị và anh C sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Phạm Văn C. Về con chung giữa chị và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thị H sinh ngày 24/8/2005 và Phạm Thị Kim S sinh ngày 04/5/2012, hiện đang do anh C nuôi dưỡng. Chị đề nghị giải quyết chị xin được nuôi cháu Phạm Thị Kim S còn cháu Phạm Thị H để anh C nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh C quyết tâm nhận nuôi cả hai con thì chị cũng chấp nhận và chị cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh C mỗi cháu, mỗi tháng 800.000 đồng. Về tài sản giữa chị và anh Phạm Văn C không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là anh Phạm Văn C trong quá trình giải quyết có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị L về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị L. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị L phát sinh từ năm 2013 đến nay, nguyên nhân là do chị L sống không chung thủy với anh nhưng anh không có chứng cứ chứng minh; anh đã khuyên giải nhưng chị L không tiếp thu nên vợ chồng xảy ra đánh chửi nhau và sống ly thân nhau đến nay. Nay anh yêu cầu chị L trả lại sổ hộ khẩu cho gia đình anh và phải làm sạch sổ hộ khẩu thì anh mới nhất trí ly hôn. Nhưng tại phiên tòa chị L vẫn quyết tâm xin ly hôn anh thì cũng chấp nhận ly hôn chị L. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị L có hai con chung là Phạm Thị H sinh ngày 24/8/2005 và Phạm Thị Kim S sinh ngày 04/5/2012, hiện anh đang nuôi dưỡng. Nay anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh, nếu chị L đề nghị được cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng, mỗi cháu 800.000 đồng thì anh cũng nhất trí. Về tài sản giữa anh và chị Trần Thị L không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí anh đề nghị giải quyết chị L phải chịu trách nhiệm nộp toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C. Về con chung: giao cháu Phạm Thị H sinh ngày 24/8/2005 và Phạm Thị Kim S sinh ngày 04/5/2012 cho anh Phạm Văn C nuôi dưỡng, chị Trần Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh C mỗi tháng, mỗi cháu 800.000 đồng. Không ai được ngăn cản quyền

thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C đều cư trú tại huyện N, nay chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn C và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C được tổ chức kết hôn vào tháng 11/2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị L và anh C không hợp tính nhau và còn do anh C nghi ngờ chị L sống không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Đã nhiều lần chị L và anh C xảy ra đánh chửi nhau. Từ năm 2014 đến nay chị L và anh C sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin được ly hôn anh C và tại phiên tòa phía anh C cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thị H sinh ngày 24/8/2005 và Phạm Thị Kim S sinh ngày 04/5/2012. Trong quá trình giải quyết phía anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung, phía chị L đề nghị giải quyết mỗi người nuôi một con chung và chị xin được nuôi cháu Sang còn cháu Hiền để anh C nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị L nhất trí để anh C trực tiếp nuôi hai con chung và chị cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh C mỗi tháng, mỗi cháu 800.000 đồng và phía anh C cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C đều khai thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, chị Trần Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn C.

2- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị H sinh ngày 24/8/2005 và cháu Phạm Thị Kim S sinh ngày 04/5/2012 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị Trần Thị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Phạm Văn C mỗi tháng, mỗi cháu 800.000 đồng, kể từ tháng 5/2018 đến khi cháu Phạm Thị H và cháu Phạm Thị Kim S trưởng thành tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06287 ngày 12/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng